

Số: 04 /GCN-BGTVT

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ văn bản số 980/BXD-KHCN ngày 04/5/2017 của Bộ Xây dựng về việc thỏa thuận đánh giá, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho các đơn vị thuộc Bộ GTVT quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1366/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc giao nhiệm vụ tổ chức kiểm tra, đánh giá cấp mới, cấp lại, bổ sung, sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ và ký Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc các đơn vị do Bộ GTVT quản lý;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm kỹ thuật đường bộ - Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 05 tháng 6 năm 2017,

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm kỹ thuật đường bộ - Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Địa chỉ: 108 Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Mã số thuế: 0100104122

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và công trình giao thông.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: 108 Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

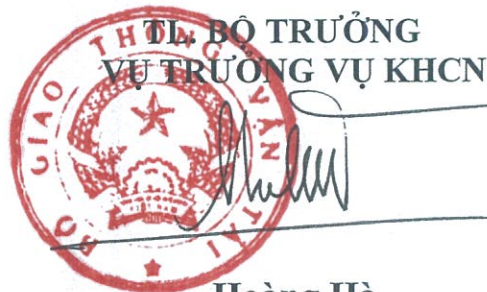
Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 204**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2563/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Nơi nhận :

- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Đông (để b/c);
- Bộ Xây dựng (Vụ KHCN-MT);
- Sở Xây dựng Hà Nội;
- Trung tâm kỹ thuật đường bộ;
- Trung tâm công nghệ thông tin (website);
- Lưu VT, KHCN.





DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 204

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm
chuyên ngành xây dựng số 04 /GCN-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2017)

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử ^(*)
I	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý đất	
1	Khối lượng riêng	TCVN 4195:2012
2	Độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
3	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012
4	Thành phần hạt	TCVN 4198:2012
5	Thí nghiệm đầm nén	22TCN 333-2006
6	Khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
7	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
8	Sức chịu tải CBR	22TCN 332-2006
9	Xác định các đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
10	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012
11	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
12	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
13	Xác định đặc trưng lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8722:2012
14	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
15	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
16	Độ góc cạnh của cát	AASHTO T304
17	Hệ số thấm vật liệu dạng hạt	ASTM D2434
18	Xác định tổng hàm lượng muối hoà tan của đất	TCVN 8727:2012
19	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	AASHTO T267-00
II	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của cốt liệu cho bê tông và vữa	
1	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
2	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
3	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
4	Khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
5	Độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
6	Hàm lượng chung bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
7	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
8	Cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
9	Độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
10	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
11	Hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
12	Khả năng phản ứng kiềm	TCVN 7572-14:2006
13	Xác định hàm lượng Clorua	TCVN 7572-15:2006
14	Hàm lượng sunfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
15	Hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
16	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
17	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012
18	Đương lượng cát	ASTM D5102
III	Phép thử chỉ tiêu cơ lý của bột khoáng chất	
1	Thành phần hạt	22TCN 58-1984
2	Khối lượng riêng	22TCN 58-1984
3	Hàm lượng nước	22TCN 58-1984

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử ^(*)
IV	Phép thử chỉ tiêu cơ lý của vật liệu có liên kết bằng chất kết dính	
1	Mô đun đàn hồi vật liệu	22TCN 72:1984
2	Xác định cường độ ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN8862-2011
3	Cường độ không hạn chế nở hông của hỗn hợp đất, đá gia cố chất kết dính	ASTM D5102-09
V	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của xi măng	
1	Độ mịn	TCVN 4030:2003
2	Khối lượng riêng	TCVN 4030:2003
3	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:1995
4	Độ bền uốn và độ bền nén	TCVN 6016:2011
5	Xác định độ nở sunfat của xi măng	TCVN 6068:2004
VI	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của vữa xây dựng	
1	Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
2	Độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
3	Khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
4	Khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003
5	Thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2003
6	Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003
7	Cường độ uốn và nén của mẫu vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2003
8	Cường độ bám dính	TCVN3121-12:2003
9	Độ hút nước của mẫu vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2003
VII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bê tông xi măng	
1	Độ sụt của hỗn hợp bê tông xi măng	TCVN 3106:1993
2	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:1993
3	Khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
4	Độ tách vữa và độ tách nước của hỗn hợp bê tông xi măng	TCVN 3109:1993
5	Khối lượng riêng của bê tông xi măng	TCVN 3112:1993
6	Độ hút nước của bê tông xi măng	TCVN 3113:1993
7	Khối lượng thể tích của bê tông xi măng	TCVN 3115:1993
8	Độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:1993
9	Độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:1993
10	Cường độ nén của bê tông xi măng	TCVN 3118:1993
11	Cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
12	Giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:1993
13	Cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993
14	Thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012
15	Cường độ chịu kéo nhỏ	TCVN 9491:2012
16	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012
VIII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bê tông nhựa	
1	Thí nghiệm Marshall	TCVN 8860-1:2011
2	Hàm lượng bitum trong hỗn hợp bê tông nhựa theo PP chiết	TCVN 8860-2:2011
3	Thành phần hạt của cốt liệu trong bê tông nhựa	TCVN 8860-3:2011
4	Khối lượng riêng	TCVN 8860-4:2011
5	Thử khối lượng thể tích của bê tông nhựa	TCVN 8860-5:2011
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
8	Hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
9	Độ rỗng dư của hỗn hợp bê tông nhựa	TCVN 8860-9:2011
10	Độ rỗng của cốt liệu	TCVN 8860-10:2011

Handwritten signature

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử ^(*)
11	Độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
12	Độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
13	Chiều dày màng nhựa của hỗn hợp bê tông nhựa của lớp phủ siêu mỏng tạo nhám	QĐ 3287/QĐ-BGTVT
IX	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhựa đường	
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005 ASTM D5
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005 ASTM D113
3	Xác định điểm hóa mềm	TCVN 7497:2005
4	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005
5	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
6	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
7	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
8	Xác định độ bám dính đối với đá	TCVN 7504:2005
9	Chỉ số độ kim lún PI	Thông tư 27/2014/TT-BGTVT
10	Tổn thất khối lượng sau khi thí nghiệm TFOT	ASTM D1754
11	Độ đàn hồi của nhựa đường Polime	22TCN 319-2004
12	Độ ổn định lưu trữ của nhựa đường Polime	22TCN 319-2004
13	Độ hòa tan trong Tricloethylen	TCVN 7500:2005
14	Độ nhớt động lực	TCVN 8818-5:2011
15	Hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
X	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch xây	
1	Độ bền nén	TCVN 6355:2009
2	Cường độ uốn	TCVN 6355:2009
3	Độ hút nước	TCVN 6355:2009
4	Khối lượng thể tích	TCVN 6355:2009
5	Độ rỗng	TCVN 6355:2009
6	Vết tróc do vôi	TCVN 6355:2009
XI	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của dung dịch Bentonite	
1	Khối lượng riêng	TCVN 9395:2012
2	Độ nhớt	TCVN 9395:2012
3	Hàm lượng cát	TCVN 9395:2012
4	Tỷ lệ chất keo	TCVN 9395:2012
5	Lượng mất nước và độ dày áo sét	TCVN 9395:2012
6	Độ PH	TCVN 9395:2012
XII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhũ tương	
1	Độ nhớt Saybolt furol	TCVN 8817-2:2011
2	Độ ổn định lưu trữ 24 giờ	TCVN 8817-3:2011
3	Lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
4	Độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
5	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
6	Độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
7	Hàm lượng nhựa	TCVN 8817-9:2011
8	Nhận biết nhũ tương phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011
9	Nhận biết nhũ tương phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011
10	Đã dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử ^(*)
11	Thí nghiệm điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
XIII	Thí nghiệm sơn nhiệt dẻo phản quang	
1	Độ phản quang	TCVN 9274-2012
2	Chiều dày lớp phủ	TCVN 8791-2011
3	Khối lượng riêng	TCVN 8791-2011
4	Độ kháng chảy	TCVN 8791-2011
5	Thành phần hạt của hạt phản quang	TCVN 8791-2011
6	Độ dính bám	ASTM D 4541
7	Xác định độ mài mòn của sơn dẻo nhiệt	TCVN 8791:2011
8	Xác định hàm lượng chất tạo màng	TCVN 8791:2011
9	Xác định thời gian khô	TCVN 2096-1:2015
10	Khả năng chống nứt ở nhiệt độ thấp	TCVN 8791:2011 AASHTO T 250-05
11	Xác định nhiệt hoá mềm	TCVN 8791:2011
12	Xác định độ chống trượt	TCVN 8791:2011
13	Độ phát sáng	TCVN 8791:2011
14	Màu sắc	ASTM D6628-03
15	Độ bền nhiệt	TCVN 8791:2011
16	Chỉ số hóa vàng của sơn màu trắng	AASHTO T 250-05
XIV	Sơn tín hiệu giao thông (sơn nước)	
1	Xác định độ mịn	TCVN 8786:2011
2	Xác định độ bền rửa trôi	TCVN 8786:2011
3	Xác định độ chống loang màu	TCVN 8786:2011
4	Xác định độ bền va đập	TCVN 8786:2011
5	Xác định độ chịu dầu	TCVN 8786:2011
6	Xác định độ chịu kiềm	TCVN 8786:2011
7	Xác định độ chịu muối	TCVN 8786:2011
8	Xác định độ mài mòn	TCVN 8786:2011
XV	Biển báo, màng phản quang	
1	Xác định hệ số phản quang	TCVN 7887:2008 ASTM E 810
2	Xác định độ co ngót	TCVN 7887:2008
3	Xác định độ bền uốn	TCVN 7887:2008
4	Xác định độ bám dính	TCVN 7887:2008
5	Độ phát sáng	TCVN 8791:2011
6	Màu sắc	ASTM D6628-03
XVI	Ống bê tông cốt thép thoát nước	
1	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan	TCVN 9113:2012
2	Kiểm tra độ thấm nước	TCVN 9113:2012
XVII	Vôi	
1	Độ mịn của vôi	TCVN 10379:2014
2	Hàm lượng CaO tự do	TCVN 2231-89
XVIII	Cọc xi măng đất	
1	Xác định sức kháng nén đất – xi măng	TCVN 9403:2012
XIX	Thí nghiệm gạch Block	
1	Khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2011
2	Cường độ chịu nén	TCVN 9030:2011
3	Kích thước	TCVN 9030:2011
4	Khuyết tật hình dạng	TCVN 9030:2011

thảo

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử ^(*)
5	Độ co ngót khô	TCVN 9030:2011
6	Độ hút nước	TCVN 9030:2011
XX	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của kim loại - mối hàn	
1	Kim loại – phương pháp thử kéo dọc	TCVN 197:2002
2	Kim loại – phương pháp thử uốn	TCVN 198:2008
3	Thí nghiệm độ giãn dài của thép	TCVN 197-2002
4	Khối lượng	TCVN 197-2002
5	Kích thước	TCVN 197-2002
6	Bu lông - kích thước (đường kính danh nghĩa, bước ren)	TCVN 197-2002
7	Bu lông - giới hạn bền	TCVN 197-2002
8	Bu lông - giãn dài tương đối	TCVN 197-2002
9	Đai ốc - kích thước	TCVN 1916:1995
10	Đai ốc - kéo đứt cùng bu lông	TCVN 1916:1995
XXI	Rọ đá mạ kẽm bọc nhựa PVC	
1	Kích thước mắt lưới, đường kính dây thép	ASTM D975
2	Cường độ chịu kéo đứt của dây thép	ASTM A370
3	Khối lượng riêng của nhựa PVC	ASTM D792
XXII	Thí nghiệm hiện trường	
1	Xác định khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp rót cát	22TCN 346-2006
2	Mặt đường ô tô – Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
3	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011
4	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
5	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp dao đai	22TCN 02-1971
6	Mặt đường ô tô – Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
7	Xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	22TCN 277-2001
8	Đánh giá cường độ nền đường và kết cấu mặt đường mềm của đường ô tô bằng thiết bị đo động FWD	22TCN 335-2006
9	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng con lăn Anh	AASHTO T 278
10	Kiểm tra dung trọng bằng phóng xạ	TCVN 9350:2012
11	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011
12	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586
13	Đo chuyển vị, ứng suất, độ võng của cầu	22TCN 170-1987
14	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
15	Đo chuyển vị ngang của công trình	TCVN 9399:2012
16	Quan trắc lún công trình	TCVN 9400:2012
17	Bê tông nặng – phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
18	Bê tông nặng – đánh giá chất lượng bê tông – phương pháp xác định vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012
19	Đất xây dựng - Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
20	Xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012
21	Khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012
22	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:2012
23	Xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012
24	Xác định sức chịu tải của nền	TCVN 8870:2011

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử ^(*)
24	Xác định sức chịu tải của neo	TCVN 8870:2011
25	Xác định độ chặt của đất và đá ngoài hiện trường bằng phương pháp thay nước	ASTM D5030

Ghi chú^(*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

Handwritten signature